

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

TRẦN NGỌC HOÀNG

**GIẢI PHÁP XÓA ĐÓI GIẢM NGHÈO
TẠI TỈNH KON TUM**

**Chuyên ngành: Kinh tế Phát triển
Mã số: 60.31.05**

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ

Đà Nẵng – Năm 2011

Công trình được hoàn thành tại
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học: GS, TS. TRƯƠNG BÁ THANH

Phản biện 1:.....

Phản biện 2:.....

Luận văn sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp

Thạc sĩ Kinh tế họp tại Đại học Đà Nẵng vào ngàytháng

năm 2011.

Có thể tìm hiểu Luận văn tại:

- Trung tâm Thông tin - Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện Trường Đại học Kinh Tế, Đại học Đà Nẵng

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Việc nghiên cứu nghèo đói tại Kon Tum là cần thiết vì những lý do sau:

Thứ nhất, trong những năm qua, Tỉnh Kon Tum đã nghiên cứu vận dụng những kết quả nghiên cứu về nghèo đói ở cấp tỉnh, vùng hay cả nước, tuy nhiên những kết quả này không thể áp dụng cứng nhắc cho Kon Tum để ban hành chính sách nhằm hạn chế tình trạng đói nghèo. Mặt khác, hiện chưa có một công trình nghiên cứu chuyên sâu nào về đói nghèo ở Kon Tum được công bố. Do đó, việc nghiên cứu sâu về thực trạng đói nghèo ở Kon Tum và từ đó đưa ra các giải pháp xóa đói giảm nghèo là rất cấp thiết.

Thứ hai, được đánh giá là một tỉnh có nhiều tiềm năng, nhưng Kon Tum vẫn là tỉnh nghèo thuộc hàng nhất nước. Nghịch lý này đặt ra câu hỏi về tình hình kinh tế xã hội ở Kon Tum trong mối quan hệ so sánh với Tây Nguyên và cả nước, từ đó tìm ra bản chất của tình trạng đói nghèo và giải pháp xóa đói giảm nghèo hiệu quả.

Thứ ba, nghiên cứu đói nghèo đang trở thành một vấn đề cấp bách của đất nước và của một tỉnh chậm phát triển. Muốn thực hiện được mục tiêu phát triển xã hội bền vững thì không thể không giải quyết vấn đề đói nghèo.

2. Tổng quan các nghiên cứu liên quan đến đề tài

Có nhiều công trình nghiên cứu về vấn đề xóa đói giảm nghèo ở Việt Nam ở nhiều khía cạnh khác nhau. Thành quả của những công trình đã cung cấp những luận cứ khoa học, thực tiễn cho

việc xây dựng, triển khai công tác xóa đói giảm nghèo trên toàn quốc và từng địa phương.

Tuy nhiên cho đến nay vấn đề “*Giải pháp xóa đói giảm nghèo tại tỉnh Kon Tum*” vẫn là một khoảng trống chưa có công trình nào nghiên cứu.

3. Mục tiêu nghiên cứu

- Hệ thống hóa các lý luận cơ bản về đói nghèo.
- Nghiên cứu kinh nghiệm xóa đói giảm nghèo của một số tỉnh thành trong và ngoài nước.
- Phân tích thực trạng nghèo đói tại Kon Tum và nguyên nhân nghèo đói.
- Xác định các nhân tố tác động đến nghèo đói tại Kon Tum.
- Đề xuất các giải pháp, các kiến nghị, khuyến nghị chủ yếu và phù hợp với điều kiện, đặc điểm kinh tế - xã hội địa phương, nhằm đẩy mạnh xóa đói giảm nghèo tại Kon Tum.

4. Phạm vi và đối tượng nghiên cứu

- Phạm vi về nội dung: Nghiên cứu các nội dung liên quan đến xóa đói giảm nghèo tại tỉnh Kon Tum. Xác định các nhân tố ảnh hưởng đến nghèo đói và đề xuất các giải pháp xóa đói giảm nghèo.
- Phạm vi về không gian: Địa bàn tỉnh Kon Tum.
- Phạm vi về thời gian: Tập trung nghiên cứu chủ yếu trong giai đoạn 2006-2009. Sử dụng thêm một số số liệu giai đoạn 2002-2005 và năm 2010.
- Đối tượng nghiên cứu là tình hình xóa đói giảm nghèo của tỉnh Kon Tum.

5. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp thống kê mô tả kết hợp với phương pháp so sánh.

- Phương pháp chuyên gia: nghiên cứu các quan điểm, kinh nghiệm, chính sách và một số mô hình xóa đói giảm nghèo tại nước ta.

- Phương pháp điều tra xã hội học, sử dụng dữ liệu VHLSS 2002 đến 2008 và VHLSS 2010 để phân tích các hộ dân cư.

- Phương pháp định lượng: Vận dụng các mô hình kinh tế lượng tìm ra mối quan hệ giữa thu nhập (xác suất nghèo của hộ) với các tiêu chí khác như trình độ của chủ hộ, quy mô hộ, số lao động trong hộ, số trẻ em, người già, dân tộc,...

6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài

Từ đặc thù về kinh tế, chính trị, xã hội ở tỉnh, tổng hợp, phân tích, đánh giá thực trạng nghèo đói ở Kon Tum và đưa ra các kiến nghị, khuyến nghị chủ yếu nhằm góp phần giải quyết đói nghèo của tỉnh trong giai đoạn hiện nay.

Đây là tài liệu có thể được sử dụng để tham khảo cho việc nghiên cứu các vấn đề xóa đói giảm nghèo ở mức chuyên sâu hơn, hoặc những nội dung chưa được thực hiện tại đề tài này.

7. Cấu trúc của luận văn

Ngoài Lời Mở đầu, Kết luận, Tài liệu tham khảo và Phụ lục, Luận văn gồm 3 chương:

Chương 1 trình bày những vấn đề lý luận cơ bản về xóa đói giảm nghèo.

Chương 2 phân tích thực trạng xóa đói giảm nghèo tại tỉnh Kon Tum.

Chương 3 đề xuất các giải pháp xóa đói giảm nghèo tại tỉnh Kon Tum.

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ XÓA ĐÓI GIÀM NGHÈO

1.1. KHÁI NIỆM NGHÈO ĐỐI

Nghèo là một khái niệm có nhiều mặt, đa nội dung và có thể được diễn giải không giống nhau. Cho nên không có một khái niệm duy nhất về nghèo và khó có thể làm rõ ranh giới giữa khái niệm chính xác và cái có thể đo được trong thực tế.

- Việt Nam thừa nhận định nghĩa chung về đói nghèo “nghèo là tình trạng một bộ phận dân cư không được hưởng và thỏa mãn các nhu cầu cơ bản của con người, mà những nhu cầu này đã được xã hội thừa nhận tùy theo trình độ phát triển kinh tế xã hội và phong tục tập quán của địa phương”.

Dù có sự khác biệt trong cách nhìn nhận về vấn đề nghèo đói, nhưng tựu trung lại các khái niệm này đều phản ánh ba khía cạnh chủ yếu của người nghèo, đó là:

+ Thứ nhất: có mức sống thấp hơn mức sống trung bình của cộng đồng dân cư.

+ Thứ hai: không được thụ hưởng những nhu cầu cơ bản ở mức tối thiểu dành cho con người.

+ Thứ ba: thiếu cơ hội lựa chọn tham gia vào quá trình phát triển của cộng đồng.

Nghèo được nhận diện trên hai khía cạnh: nghèo tuyệt đối và nghèo tương đối.

1.1.1. Nghèo tuyệt đối

Nghèo tuyệt đối là tình trạng một bộ phận dân cư không có khả năng thỏa mãn các nhu cầu tối thiểu của cuộc sống.

1.1.2. Nghèo đói tương đối

Nghèo đói tương đối là tình trạng mà một người, hoặc một hộ gia đình thuộc về nhóm người có thu nhập thấp nhất trong xã hội theo những địa điểm cụ thể và thời gian nhất định.

Trong đề tài này, chúng tôi sử dụng chuẩn nghèo tuyệt đối của Bộ lao động thương binh và xã hội.

1.2. XÓA ĐÓI GIẢM NGHÈO

1.2.1. Khái niệm xóa đói giảm nghèo

Xóa đói giảm nghèo là tổng thể các biện pháp chính sách của nhà nước và xã hội hay là của chính những đối tượng thuộc diện nghèo đói, nhằm tạo điều kiện để họ có thể tăng thu nhập, thoát khỏi tình trạng thu nhập không đáp ứng được những nhu cầu tối thiểu trên cơ sở chuẩn nghèo được quy định theo từng địa phương, khu vực, quốc gia.

1.2.2. Vai trò của xóa đói giảm nghèo

Giảm nghèo và tăng trưởng kinh tế có mối quan hệ biện chứng với nhau. Tăng trưởng kinh tế tạo ra cơ sở, điều kiện vật chất để giảm nghèo. Ngược lại, giảm nghèo là nhân tố đảm bảo cho sự tăng trưởng kinh tế bền vững.

Xóa đói giảm nghèo là yêu cầu cần thiết ổn định chính trị, xã hội.

Nếu giải quyết không thành công vấn đề xóa đói giảm nghèo sẽ không thể thực hiện được mục tiêu công bằng xã hội và phát triển kinh tế mà Việt Nam đang phấn đấu.

1.2.3. Nội dung của xóa đói giảm nghèo

Xóa đói giảm nghèo được thực hiện trên hai nội dung chính:

Thứ nhất, tạo điều kiện cho người nghèo có điều kiện phát triển sản xuất, gia tăng thu nhập cho người nghèo, vùng nghèo.

Thứ hai, tạo điều kiện cho người nghèo có cơ hội được tiếp cận với các dịch vụ cơ bản như y tế, giáo dục, vệ sinh, nước sạch,...

1.2.4. Các chính sách xóa đói giảm nghèo

Mỗi quốc gia, hay ở phạm vi nhỏ hơn là địa phương có các chính sách xóa đói giảm nghèo khác nhau nhưng nhìn chung bao gồm các chính sách cơ bản sau: Chính sách tín dụng; Chính sách đào tạo nghề; Chính sách khuyến nông, khuyến ngư; Chính sách hỗ trợ đất canh tác; Các chính sách hỗ trợ về văn hóa, y tế, giáo dục.

1.2.5. Các chỉ tiêu đánh giá nghèo đói và xóa đói giảm nghèo

Để đánh giá nghèo đói và xóa đói giảm nghèo, luận văn sử dụng các tiêu chí cơ bản sau:

- Số hộ nghèo đói theo chuẩn quốc gia và sự thay đổi số hộ nghèo đói qua các năm.
- Tỷ lệ hộ nghèo đói và sự thay đổi của tỷ lệ hộ đói nghèo.
- Số hộ thoát nghèo đói và số hộ phát sinh nghèo đói.
- Mức độ bao phủ và hiệu quả của các chương trình XĐGN.

1.3. CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN NGHÈO ĐÓI

1.3.1. Các nhân tố ảnh hưởng đến nghèo đói

Hiện rất khó để có thể chỉ ra được tất cả những nguyên nhân của nghèo. Và cũng khó để phân biệt trong những yếu tố cơ bản có ảnh hưởng đến nghèo thì đâu là nguyên nhân, còn đâu là kết quả, cũng như sự tác động qua lại của chúng đến khả năng thoát nghèo của người nghèo. Những kết quả nghiên cứu về nghèo trước đây đã chỉ ra những nguyên nhân cơ bản dẫn đến tình trạng nghèo ở Việt Nam như sau:

- Nghề nghiệp gắn với sản xuất nông nghiệp.
- Trình độ học vấn thấp, thiếu kỹ năng làm việc và thông tin.
- Thiếu khả năng tiếp cận các nguồn lực.

- Bất bình đẳng giới.
- Đặc điểm nhân khẩu học.
- Những hạn chế của người dân tộc thiểu số.
- Bệnh tật và sức khỏe yếu kém cũng là yếu tố đẩy con người vào tình trạng nghèo đói trầm trọng.
- Thiếu ý chí vươn lên và thái độ tiêu cực với cuộc sống.
- Những tác động của chính sách vĩ mô.
- Do ảnh hưởng của thiên tai và các rủi ro khác.

1.3.2. Các mô hình kinh tế lượng trong phân tích tác động các nhân tố ảnh hưởng đến nghèo đói

Để xác định các nhân tố ảnh hưởng đến nghèo đói, có thể sử dụng các mô hình như Mô hình hồi quy đa biến; Mô hình xác suất tuyến tính (hoặc lựa chọn nhị nguyên); Mô hình đơn vị xác suất (Probit); Mô hình Logistic; Biến phụ thuộc giới hạn và mô hình Tobit.

1.4. KINH NGHIỆM CỦA CÁC NƯỚC VÀ CÁC TỈNH, THÀNH TRONG NƯỚC VỀ XÓA ĐÓI GIẢM NGHÈO

1.4.1. Kinh nghiệm của các nước trong xóa đói giảm nghèo

Trong phần này, luận văn trình bày kinh nghiệm của một số nước về xóa đói giảm nghèo như Kinh nghiệm của Trung Quốc; Nhật Bản; Hàn Quốc; Đài Loan; Bangladesh.

1.4.2. Kinh nghiệm của các tỉnh, thành trong nước trong xóa đói giảm nghèo

Luận văn trình bày kinh nghiệm của các tỉnh thành như: Kinh nghiệm của Hà Tĩnh về xây dựng mô hình xóa đói giảm nghèo; Một số kinh nghiệm giảm nghèo ở miền núi tỉnh Thanh Hóa; Một số kinh nghiệm giảm nghèo ở tỉnh Kiên Giang.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Trong chương này, tác giả đã hệ thống hóa những vấn đề lý luận cơ bản về nghèo đói và xóa đói giảm nghèo như khái niệm về nghèo đói, đo lường nghèo đói, các nguyên nhân dẫn đến nghèo đói và các mô hình định lượng cho phép nhận diện các nguyên nhân nghèo đói và các giải pháp xóa đói giảm nghèo. Ngoài ra, tác giả còn nghiên cứu kinh nghiệm của các quốc gia khác và các tỉnh thành trong nước trong xóa đói giảm nghèo.

Chương 2

THỰC TRẠNG XÓA ĐÓI GIẢM NGHÈO TẠI TỈNH KON TUM

2.1. ĐẶC ĐIỂM TỰ NHIÊN, TÌNH HÌNH KINH TẾ XÃ HỘI TỈNH KON TUM

Qua đánh giá đặc điểm tự nhiên, đặc điểm kinh tế, dân số và lao động, giáo dục đào tạo và y tế, tiềm năng, lợi thế và cơ hội phát triển có thể rút ra rằng:

- Kon Tum tuy có tiềm năng phát triển nhưng hiện là một tỉnh nghèo, kém phát triển.

- Lực lượng lao động qua đào tạo thấp.

- Giáo dục, đào tạo, và y tế tuy có thay đổi tích cực nhanh trong những năm qua nhưng vẫn còn kém phát triển.

2.2. TÌNH HÌNH XÓA ĐÓI GIẢM NGHÈO TẠI TỈNH KON TUM

2.2.1. Tình hình xóa đói giảm nghèo chung tại tỉnh Kon Tum

Trong giai đoạn 2006-2010, tỉnh Kon Tum đã đạt nhiều thành công trong việc xóa đói giảm nghèo. Tính đến ngày 31/12/2010, toàn tỉnh còn 16.791 hộ nghèo, chiếm tỷ lệ 16,34% so với số hộ toàn tỉnh, tương ứng tỷ lệ hộ nghèo giảm trong 5 năm là 22,29% (từ 38,63% đầu năm 2006 xuống còn 16,34% năm 2010). Bình quân giảm tỷ lệ hộ nghèo 4,45%/năm, đạt 109,22% so với mục tiêu chương trình xóa đói giảm nghèo giai đoạn 2006-2010 đề ra.

Số hộ phát sinh nghèo còn cao (6.063 hộ trong giai đoạn 2006-2010) chiếm tỷ lệ 5,9% số hộ toàn tỉnh. Tỷ lệ hộ cận nghèo toàn tỉnh là 7.8%. Điều này rất đáng quan ngại cho Kon Tum do

những hộ cận nghèo sẽ có khả năng rớt vào ngưỡng nghèo nếu tỉnh không có chính sách hỗ trợ phù hợp.

Tuy tỷ lệ hộ nghèo của Kon Tum giảm qua các năm, tỷ lệ hộ nghèo của Kon Tum luôn cao hơn rất nhiều so với cả nước và các tỉnh Tây nguyên.

Nghèo đói tại Kon Tum có lẽ là kết cục của mọi vấn đề: gia tăng dân số, suy thoái tài nguyên, phân hóa xã hội, xói mòn văn hóa... Điều kiện tự nhiên: Các yếu tố tự nhiên của vùng núi Kon Tum được đặc trưng bởi tính phức tạp và đa dạng cao.

2.2.2. Tình hình xóa đói giảm nghèo tại tỉnh Kon Tum theo địa bàn

Huyện Tu Mơ Rông là huyện có tỷ lệ hộ nghèo cao nhất tỉnh (87,84%), thành phố Kon Tum là đơn vị hành chính cấp huyện có tỷ lệ hộ nghèo thấp nhất là 4,7%.

Huyện Kon PLong là đơn vị có thành tích giảm tỷ lệ nghèo cao nhất là 52,36%, tương ứng số hộ giảm nghèo trong giai đoạn 2006-2010 là 1.622 hộ (giảm được 47,96% hộ nghèo so với năm 2006). Với thành tích này, KonPLong đã giảm tỷ lệ hộ nghèo xuống còn 35,48% (đầu năm 2006 là 87,84%). Kế tiếp là Huyện Tu Mơ Rông giảm tỷ lệ hộ nghèo là 35,88% (giảm được 32,3% hộ nghèo so với năm 2006).

Có thể lý giải về những kết quả, thành tựu khả quan trên bởi nhiều nguyên nhân khác nhau song trước hết phải thấy rằng có một nguyên nhân rất cơ bản là chính quyền địa phương đã coi trọng và thường xuyên quan tâm chỉ đạo các cấp, các ngành cần phải có các giải pháp hữu hiệu để giảm nghèo.

2.2.3. Đánh giá các chương trình giảm nghèo tại Kon Tum giai đoạn 2006-2010

Trong giai đoạn 2006-2010, tổng kinh phí thực hiện của chương trình mục tiêu quốc gia tại Kon Tum là 1.529.017 triệu đồng, đạt 114,18% so với chương trình đề ra. Trong đó nguồn vốn từ Ngân sách nhà nước là 784.788 triệu đồng; Vốn vay Ngân hàng là 392.608 triệu đồng; Các nguồn vốn huy động khác là 351.621 triệu đồng.

Kontum đã thực hiện các chương trình giảm nghèo như Chương trình tín dụng ưu đãi cho hộ nghèo, Các chương trình hỗ trợ nghề nghiệp cho hộ nghèo, Hỗ trợ đất và nhà, Các chương trình hỗ trợ xã đặc biệt khó khăn và Các chương trình khác.

Tuy nhiên, hiệu quả của các chương trình chưa cao, mức độ bao phủ của các chương trình còn kém, các hộ nghèo còn khó khăn trong việc tiếp cận vốn tín dụng ưu đãi, các chương trình dạy nghề không phù hợp với người dân tộc thiểu số.

2.3. NGHIÊN CỨU CÁC NHÂN TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN NGHÈO ĐỐI TẠI KON TUM

2.3.1. Mô tả nguồn dữ liệu sử dụng

2.3.2. Mô tả đặc điểm một số chỉ tiêu chủ yếu qua số liệu khảo sát mức sống hộ gia đình tại tỉnh Kon Tum

2.3.2.1. Nhân khẩu học

Số nhân khẩu bình quân/1 hộ, qua các năm có giảm đáng kể, từ 5,0 nhân khẩu/hộ (năm 2002) giảm còn 4,3 nhân khẩu/hộ (năm 2010).

2.3.2.2. Giáo dục

Trong những năm qua, công tác giáo dục-đào tạo của tỉnh Kon Tum có những chuyển biến tích cực.

2.3.2.3. Lao động và việc làm

Với mục tiêu giảm tỷ lệ thất nghiệp và lao động thiếu việc làm, tạo điều kiện cho các đối tượng chính sách, người nghèo thiếu vốn sản xuất có cơ hội làm việc, đã có nhiều chương trình được triển khai tại tỉnh.

2.3.2.4. Mức sống, nghèo đói và bất bình đẳng

a) Thu nhập

Thu nhập bình quân đầu người trên địa bàn tỉnh ngày càng tăng, có nhiều cải thiện đáng kể, khẳng định công cuộc xóa đói giảm nghèo đạt được những thành tựu đáng ghi nhận, đã nâng mức sống dân cư.

b) Chi tiêu

Chi tiêu bình quân/người/tháng, qua các năm tăng lên đáng kể đến năm 2010 chi tiêu bình quân đầu người là 954 nghìn đồng/người/tháng tăng gấp 4,2 lần (tăng 728 nghìn đồng/người/tháng) so với năm 2002.

2.3.3. Kết quả của các mô hình phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến đói nghèo

2.3.3.1. Mô tả các biến số sử dụng

Trong phần này, chúng tôi sử dụng các biến số phù hợp với những phân tích về các nhân tố ảnh hưởng đến nghèo đói như trình độ học vấn của chủ hộ, đặc điểm nhân khẩu học của hộ (thể hiện qua số trẻ em, tổng số người trong hộ, số lao động của hộ), hạn chế của người dân tộc thiểu số (biến giả dân tộc).

2.3.3.2. Tương quan giữa thu nhập và các đặc điểm của hộ gia đình

Qua phân tích chúng ta nhận thấy thu nhập bình quân đầu người tỷ lệ nghịch với giới tính, tổng số người trong hộ (quy mô hộ),

số trẻ em, số người không lao động. Điều này có nghĩa là, thu nhập bình quân đầu người của người Kinh và người Hoa cao hơn so với người dân tộc. Và quy mô của hộ càng lớn, số người sống phụ thuộc càng nhiều (người già, trẻ em đông) thì thu nhập bình quân đầu người càng cao.

Ngược lại, số lao động trong hộ, trình độ của chủ hộ có quan hệ tỷ lệ thuận với thu nhập bình quân đầu người. Điều này có nghĩa là số lao động của hộ càng nhiều, trình độ của chủ hộ càng cao, thu nhập bình quân đầu người trong hộ càng cao. Tuy tuổi của chủ hộ có tương quan thuận với thu nhập bình quân đầu người nhưng mức tương quan thấp. Giới tính của chủ hộ cũng có tương quan đến thu nhập bình quân đầu người của hộ thể hiện ở chỗ chủ hộ là nữ thì thu nhập bình quân đầu người cao hơn.

2.3.3.3. Xác định các nhân tố tác động đến thu nhập của hộ gia đình

Kết quả hồi quy của hai mô hình hồi quy tuyến tính và mô hình tobit hoàn toàn giống nhau. Sự khác biệt giữa mô hình hồi quy tuyến tính và tobit là mô hình tobit cho phép không chế thu nhập bình quân đầu người luôn luôn lớn hơn không.

Trong cả hai mô hình, biến quy mô hộ (tổng số người trong hộ) và biến trình độ của chủ hộ đều có ý nghĩa ở mức 5% và có cùng một kết quả ước lượng. Theo kết quả ước lượng, quy mô của hộ càng lớn thì thu nhập bình quân đầu người của hộ càng giảm. Ngược lại, trình độ của chủ hộ càng cao thì thu nhập bình quân đầu người càng tăng.

2.3.3.4. Xác suất nghèo

Kết quả hồi quy của hai mô hình probit và logistic tương đối tương đồng.

Trong cả hai mô hình, số người không lao động (trẻ em+người già) và trình độ của chủ hộ đều có ý nghĩa trong hai mô hình.

Kết quả cho thấy, khi số người già và trẻ em trong hộ tăng lên một người thì xác suất nghèo trung bình của hộ tăng 2,8% (2,1%) đối với mô hình Probit (Logistic). Ngược lại trình độ của chủ hộ càng cao, xác suất nghèo của hộ càng giảm.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Hoạt động xóa đói giảm nghèo của tỉnh Kon Tum trong những năm qua đã đạt được những thành công đáng kể. Tỷ lệ hộ nghèo giảm từ 38,63% vào đầu năm 2006 xuống còn 16,34% năm 2010. Tuy nhiên, tỷ lệ hộ nghèo năm 2010 vẫn còn cao hơn rất nhiều so với mức bình quân chung cả nước. Kết quả nghiên cứu cho thấy nguyên nhân nghèo của Kon Tum là do quy mô của hộ lớn, số người phụ thuộc đông, hạn chế của người dân tộc thiểu số, bất bình đẳng giới tính và trình độ học vấn.

Chương 3

CÁC GIẢI PHÁP XÓA ĐÓI GIẢM NGHÈO TẠI TỈNH KON TUM

3.1. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA TỈNH KON TUM

Mục tiêu phát triển cho tỉnh Kon Tum là: Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân hàng năm thời kỳ 2011-2020 đạt 14,7%; GDP bình quân đầu người năm 2015 đạt 27,9 triệu đồng/người (gấp 2 lần so với năm 2010) và đạt 53,2 triệu đồng/người vào năm 2020 (gấp 1,9 lần so với năm 2015).

Tiếp tục thực hiện đồng bộ, có hiệu quả chương trình xóa đói giảm nghèo; cải thiện đời sống của hộ nghèo nhằm thu hẹp khoảng cách về mức sống giữa thành thị và nông thôn, giữa đồng bào các dân tộc. Sắp xếp ổn định dân cư, tái định cư cho nhân dân ở vùng có nguy cơ cao về sạt lở đất do lũ quét, ngập úng; các điểm dân di cư tự do gắn với Quy hoạch nông thôn mới.

3.2. MỤC TIÊU XÓA ĐÓI GIẢM NGHÈO CỦA TỈNH KON TUM

3.2.1. Mục tiêu tổng quát

- Thúc đẩy giảm nghèo nhanh, toàn diện và bền vững, bảo vệ thành quả giảm nghèo, hạn chế tái nghèo, nhằm bảo đảm ngày càng tốt hơn những nhu cầu cơ bản, thiết yếu của người nghèo, nhất là về ăn, mặc, ở, chữa bệnh và học hành.

- Tạo cơ hội phát triển để người nghèo, hộ nghèo, cộng đồng nghèo ổn định về sinh kế, đa dạng hoá thu nhập, vượt qua nghèo đói, vươn lên mức sống trung bình, khá giả.

- Tăng cường và nâng cao chất lượng cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ phát triển kinh tế- xã hội, cải thiện chất lượng cuộc sống ở các thôn, xã đặc biệt khó khăn, các huyện nghèo.

- Hạn chế tình trạng gia tăng bất bình đẳng về thu nhập và mức sống giữa khu vực thành thị và khu vực nông thôn; bảo vệ trẻ em và phụ nữ nghèo.

3.2.2. Mục tiêu cụ thể

- Phần đầu giảm tỷ lệ hộ nghèo từ 4-5%/năm, trong đó các thôn, xã đặc biệt khó khăn, huyện nghèo giảm ít nhất 1/2 số hộ nghèo và có ít nhất 50% thôn, xã đặc biệt khó khăn vượt qua tình trạng khó khăn hiện hành;

- Cơ bản người nghèo có công ăn việc làm ổn định, thu nhập đa dạng hơn và bình quân đầu người của các hộ nghèo tăng ít nhất là 1,5 lần và huyện nghèo, tăng ít nhất 1,4 lần so với năm 2010.

3.2.3. Nhiệm vụ

- Xây dựng và thông qua Chương trình mục tiêu giảm nghèo giai đoạn 2011-2015.

- Thành lập Ban chỉ đạo chương trình, có phân công, phân nhiệm rõ ràng, cụ thể.

- Xây dựng khung giám sát đánh giá chương trình theo hệ thống chỉ tiêu cụ thể, lượng hóa.

- Ưu tiên nguồn lực hỗ trợ người nghèo ở các thôn, xã đặc biệt khó khăn đầu tư phát triển sản xuất theo hướng nhân rộng mô hình giảm nghèo hiệu quả.

3.3. GIẢI PHÁP XÓA ĐÓI GIẢM NGHÈO

Các kết quả thống kê và mô hình kinh tế lượng cho thấy tình trạng nghèo đói ở Kon Tum chịu ảnh hưởng nhiều nhất từ các yếu tố: Tình trạng việc làm; Tình trạng sở hữu đất; Khả năng tiếp cận nguồn

vốn vay; Quy mô hộ và đặc điểm dân số học về giới tính; Giáo dục đào tạo; Vấn đề chính sách đối với dân tộc thiểu số. Vì vậy, luận văn đưa ra một số giải pháp tập trung chủ yếu vào những yếu tố này nhằm nâng cao hiệu quả cho công tác xóa đói giảm nghèo ở Kon Tum trong thời gian tới.

Ở khía cạnh khác, do tỷ lệ nghèo ở tỉnh Kon Tum còn cao nên có thể tác động biên từ các chương trình giảm nghèo tại tỉnh sẽ lớn hơn so với các tỉnh trong vùng và cả nước. Các giải pháp được nêu ra ở đây không sắp xếp theo một thứ tự ưu tiên nào, việc lựa chọn thứ tự ưu tiên để hành động, còn tùy thuộc vào điều kiện thực tế của các huyện và tình hình điều hành của chính quyền.

3.3.1. Các giải pháp tạo việc làm cho người nghèo

3.3.1.1. Đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả của công tác khuyến nông

Ở khu vực nông thôn, cần nâng cao hiệu quả và thu nhập từ việc làm nông nghiệp thông qua hệ thống khuyến nông, đồng thời đa dạng hóa nguồn thu bằng cách tạo thêm nhiều việc làm phi nông nghiệp.

Ở Kon Tum, do không thể một sớm một chiều đưa người dân rời bỏ nông nghiệp, nên điều cần làm nhất là tìm hiểu những khó khăn nào khiến những hộ làm trong nông nghiệp không khá lên, và tùy hoàn cảnh cụ thể mà cải tạo chúng.

Với những cơ sở khảo sát và phân tích, chương trình khuyến nông của tỉnh cần tập trung vào một số vấn đề :

- Công tác khuyến nông cần gắn bó với các chương trình tín dụng của ngân hàng chính sách. Điều này tạo sự bổ sung cần thiết và hiệu ứng cộng hưởng giữa hai chương trình. Các nhà hoạch định chính sách nên xem xét ý kiến cho rằng nên phối hợp các trung tâm

khuyến nông/lâm/thú y/bảo vệ thực vật thành một trung tâm đặt tại huyện, có cơ sở tại xã và phối hợp chặt chẽ với hoạt động tín dụng của ngân hàng chính sách.

- Gắn tín dụng để nhân rộng các mô hình giảm nghèo hiệu quả và các dự án khuyến nông - khuyến lâm cho người nghèo. Ngân hàng Chính sách xã hội có cơ chế xử lý các món vay không trả được do rủi ro thiên tai gây ra để người nghèo được tiếp tục vay vốn, đầu tư sản xuất.

-Nên hỗ trợ thành lập và tăng cường năng lực của các tổ chức tự trợ giúp của người dân như các câu lạc bộ khuyến nông, tổ hợp tác,... để làm đầu mối kết nối các chương trình khuyến nông và các hỗ trợ khác cho nông dân và người nghèo.

3.3.1.2. Giải pháp tạo việc làm cho hộ nghèo tại thành phố Kon Tum và các trung tâm huyện lỵ

Ở thành phố Kon Tum vẫn còn nhiều người nghèo không biết cách làm ăn hay không có đủ điều kiện để tính toán làm ăn, nên vẫn phải tiếp tục làm thuê ăn công. Do đó, bên cạnh những chương trình hỗ trợ trực tiếp thì những chính sách kích thích thị trường, khuyến khích các ngành nghề đầu tư mở rộng sản xuất tạo nên nhiều công ăn việc làm cho người nghèo là những giải pháp chắc chắn sẽ đem lại hiệu quả cao cho công tác xóa đói giảm nghèo.

Ngoài ra, cần có những biện pháp để bảo vệ người lao động nghèo làm việc trong các doanh nghiệp tư nhân, nơi mà người nghèo thường bị chèn ép nhưng không dám nói, vì sợ mất việc. Phải đảm bảo cho họ được hưởng những lợi ích đầy đủ mà một lao động bình thường được hưởng.

Một biện pháp vừa qua đã phát huy hiệu quả, mang lại lợi ích cho người nghèo, thời gian qua tỉnh đã áp dụng đó là đưa người

nghèo đi lao động ở nước ngoài. Cần sớm hình thành quỹ hỗ trợ xuất khẩu lao động.

3.3.1.3. Đa dạng hóa thu nhập của hộ nghèo

Để thực hiện giải pháp đa dạng hóa thu nhập, cần lưu ý đến một số vấn đề quan trọng:

Thứ nhất, cần phải đa dạng hóa các nguồn thu nhập từ các hoạt động phi nông nghiệp.

-Thứ hai, cần thiết phải khôi phục và phát huy các làng nghề truyền thống.

-Thứ ba, khuyến khích các doanh nghiệp vừa và nhỏ có khả năng tạo việc làm tại chỗ cho những lao động dư thừa.

-Thứ tư, phát triển mạng lưới dịch vụ trong nông nghiệp từ dịch vụ tín dụng, bảo hiểm, cung cấp vật tư kỹ thuật, máy móc thiết bị, cung cấp hàng tiêu dùng, vật liệu xây dựng,...

-Thứ năm, mở rộng hoạt động đào tạo nghề miễn phí cho người nghèo tại các trung tâm dạy nghề.

3.3.2. Các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng đất đai của hộ nghèo

Ở khu vực nông thôn, các biện pháp nên nhằm vào việc phân bổ nguồn đất chưa sử dụng một cách hợp lý, chứng nhận quyền sử dụng đất nhanh hơn, cải tạo hệ thống nước tưới đồng thời nghiên cứu lựa chọn cây trồng thích hợp để sử dụng đất có hiệu quả hơn. Ở khu vực thành thị, nên tạo điều kiện để người nghèo tham gia vào quá trình quy hoạch nơi sinh sống của chính họ.

Để tăng trưởng và giảm nghèo cho vùng dân tộc thiểu số, cần chú ý đến việc nâng cao năng suất hệ thống đất đai hiện có.

Việc chuyển nhượng đất hiện đang được hạn chế ở khu vực dân tộc thiểu số, chính sách này cần được nghiên cứu thêm về tính cần thiết.

3.3.3. Giải pháp hỗ trợ vốn cho hộ nghèo

Đơn giản hóa các thủ tục xin vay vốn và rút ngắn thời gian xét duyệt. Đa dạng hóa nguồn vốn cho vay, mức cho vay cao hơn, thời hạn dài hơn và cho vay kết hợp với hỗ trợ phương thức làm ăn, sản xuất.

Kết quả khảo sát đã chỉ ra rằng việc tiếp cận được nguồn vốn tín dụng chính thức là một yếu tố quan trọng giúp nhóm người nghèo thêm khả năng thoát nghèo

Nếu như cộng đồng được giao nhiều trách nhiệm hơn và được tin tưởng hơn trong việc quản lý nguồn vốn xóa đói giảm nghèo thì có lẽ các điều kiện và các quy định liên quan đến việc vay vốn sẽ linh hoạt hơn rất nhiều. Hơn nữa, sự tham gia nhiều hơn của người sử dụng trong việc quản lý và cung cấp dịch vụ sẽ có tác động tích cực đến tỷ lệ thu hồi vốn.

3.3.4. Giảm quy mô hộ và bất bình đẳng về giới tính

Giảm quy mô hộ gia đình thông qua các chương trình kế hoạch hóa gia đình, khuyến khích phụ nữ tham gia nhiều hơn vào việc làm ngoài nội trợ và hạn chế tình trạng bất bình đẳng nam nữ.

Có thể thấy qua phân tích từ dữ liệu VHLSS là việc hộ có thêm một nhân khẩu sẽ làm cho xác suất nghèo của hộ tăng lên.

Các biện pháp để giảm mức sinh cần phải thực hiện song song với các chương trình xóa đói giảm nghèo.

3.3.5. Các giải pháp về giáo dục đào tạo cho người nghèo

Thay đổi nhận thức tầm quan trọng của giáo dục, mở rộng cơ hội cho người dân được tiếp cận với giáo dục cũng như thông tin kiến thức nhiều hơn.

Tăng cường hoạt động truyền thông nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ và nhân dân về chương trình, tránh trông chờ, ỷ lại vào sự hỗ trợ của Nhà nước, phát huy nguồn nội lực là chính.

Chi tiêu của các hộ qua số liệu điều tra VHLSS không biến đổi nhiều theo trình độ học vấn. Nguyên nhân là do trình độ học vấn trung bình của các hộ trong mẫu thấp. Tuy vậy, có thể thấy giáo dục luôn có ảnh hưởng quan trọng cho tương lai bất kỳ khu vực nào. Và đây cũng là một trong những loại dịch vụ cơ bản mà các chương trình giảm nghèo muốn người dân được hưởng.

Trong thời gian đầu, khả năng xây dựng mạng lưới trường học tại các thôn, xã vùng sâu, vùng xa là không khả thi ngoại trừ duy trì những cơ sở trường lớp hiện có.

Khuyến khích các trường xét bỏ những quy định bắt buộc về đồng phục hay giấy kiểm tra. Đồng thời, kiểm tra gắt gao việc dạy học thêm là một trong những biện pháp vừa nâng cao chất lượng dạy học tại trường vừa xóa đi những cách biệt bất công giữa các học sinh không có tiền học thêm và được đi học thêm.

Ở tầm xa hơn, kiến nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo cần sớm có biện pháp thống nhất bộ sách giáo khoa chuẩn, ổn định trong nhiều năm nhất là đối với chương trình tiểu học, trung học cơ sở.

3.3.6. Chính sách đối với dân tộc thiểu số

Hỗ trợ cộng đồng dân tộc thiểu số hòa nhập với cộng đồng nhiều hơn, tiếp cận với giáo dục, y tế cũng như thông tin nhiều hơn.

Đầu tư xây dựng đường sá để đưa người dân tộc sống ở vùng sâu, vùng xa của tỉnh đến trực tiếp được với thị trường nhiều hơn.

Để tránh tụt hậu quá xa và xóa đi cách biệt, việc quan trọng đầu tiên phải làm là đồng bào dân tộc thiểu số cần được trang bị kiến thức và trình độ học vấn nhiều hơn.

3.4. HẠN CHẾ CỦA LUẬN VĂN

Bên cạnh nguồn dữ liệu thứ cấp, luận văn sử dụng dữ liệu sơ cấp VHLSS do Cục Thống kê Kon Tum cung cấp. Tuy nhiên, mẫu điều tra nhỏ và dữ liệu là dữ liệu VHLSS 2008, và khai thác một phần dữ liệu của năm 2010.

Trong các mô hình định lượng sử dụng trong luận văn, do hạn chế của bộ dữ liệu VHLSS nên một số nhân tố khá quan trọng, hoặc có thể được xem là rất quan trọng như ý chí thoát nghèo, tâm lý ý lại vào chính quyền của người nghèo, và nhất là người nghèo dân tộc thiểu số, yếu tố khác biệt về địa lý tự nhiên của Tỉnh Kon Tum không được đánh giá trong các mô hình.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Trong chương này, trên cơ sở thực trạng xóa đói giảm nghèo của Kon Tum ở chương 2, tác giả đã đề xuất 6 nhóm giải pháp xóa đói giảm nghèo. Đó là các giải pháp nhằm tạo công ăn việc làm cho người nghèo, giải pháp tăng khả năng tiếp cận đất đai, vốn cho người nghèo, giải pháp giảm quy mô hộ và hạn chế bất bình đẳng về giới tính, giải pháp về chính sách đối với người dân tộc thiểu số, giải pháp về giáo dục và đào tạo cho người nghèo.

KẾT LUẬN

Luận văn đã hệ thống hóa cơ sở lý luận cơ bản về xóa đói giảm nghèo và đánh giá thực trạng xóa đói giảm nghèo của Kon Tum giai đoạn 2006- 2010. Kết quả đánh giá cho thấy hoạt động xóa đói giảm nghèo của tỉnh Kon Tum trong những năm qua đã đạt được những thành công đáng kể. Tỷ lệ hộ nghèo giảm từ 38,63% vào đầu năm 2006 xuống còn 16,34% năm 2010. Tuy nhiên, tỷ lệ hộ nghèo năm 2010 vẫn còn cao hơn rất nhiều so với mức bình quân chung cả nước. Kết quả nghiên cứu cho thấy nguyên nhân nghèo của Kon Tum là do quy mô của hộ lớn, số người phụ thuộc đông, hạn chế của người dân tộc thiểu số, bất bình đẳng giới tính và trình độ học vấn thấp. Ngoài ra còn có các nguyên nhân khách quan khác như điều kiện tự nhiên khắc nghiệt, các rủi ro từ môi trường thiên nhiên. Từ những đánh giá về thực trạng, tác giả đã đề xuất một số giải pháp nhằm xóa đói giảm nghèo tại Kon Tum như các giải pháp nâng cao hiệu quả của hoạt động khuyến nông, các giải pháp nhằm tăng khả năng tiếp cận đất đai, vốn cho người nghèo và các giải pháp nhằm giảm bất bình đẳng về giới tính.

Luận văn này được hoàn thành vào Tháng cao điểm Vì người nghèo (17-10 đến 18-11-2011), tháng cả nước vì người nghèo, thể hiện sâu sắc truyền thống yêu thương, đùm bọc, sẵn sàng giúp đỡ nhau của nhân dân ta. Truyền thống nhân ái đó được xây dựng, phát triển cùng lịch sử hào hùng dựng nước và giữ nước của dân tộc, nhất là từ khi Đảng ta ra đời và lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Nước ta còn nghèo nhưng người nghèo luôn được Đảng, Nhà nước, toàn xã hội quan tâm, hỗ trợ thiết thực và kịp thời. Thành tích xóa đói giảm nghèo của tỉnh Kon Tum trong những năm qua đã được cộng đồng

ghi nhận. Các chương trình xóa đói giảm nghèo bền vững được triển khai đồng bộ, đạt kết quả thiết thực, góp phần quan trọng nâng cao chất lượng đời sống nhân dân trong tỉnh, nhất là ở vùng sâu, vùng xa. Làm tốt công tác xóa đói giảm nghèo đã góp phần phát triển kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội, củng cố lòng tin của nhân dân vào các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội.

Tuy nhiên, ở nhiều nơi, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số vẫn còn nghèo, đời sống vật chất và tinh thần còn nhiều khó khăn; tỷ lệ hộ nghèo ở Kon Tum vẫn cao so với các tỉnh bạn. Bên cạnh đó, hậu quả nặng nề do thiên tai, lũ lụt gây ra làm cho cuộc sống của người nghèo vốn đã khó lại càng khó khăn hơn.

Nhưng chúng tôi tin tưởng rằng, theo mục tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm (2011- 2015), chính quyền địa phương quyết tâm đưa tỷ lệ hộ nghèo giảm nhanh; giải quyết việc làm cho nhiều lao động; phấn đấu hoàn thành mục tiêu đặt ra về số xã đạt chuẩn các tiêu chí về Nông thôn mới; Đẩy mạnh khai thác các nguồn lực để thực hiện tốt Nghị quyết 30a của Chính phủ về xóa đói, giảm nghèo... Công tác xóa đói, giảm nghèo sẽ tiếp tục được tập trung triển khai sâu rộng và theo hướng bền vững, không chạy theo số lượng, từng bước nâng cao chất lượng đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Chắc chắn rằng, tỉnh sẽ thực hiện hoàn thành Quy hoạch phát triển tổng thể kinh tế - xã hội đến năm 2020, nền kinh tế - xã hội tỉnh Kon Tum có bước phát triển đáng kể và thay đổi rõ rệt vị thế của tỉnh trong vùng và cả nước, không còn hộ đói, giảm đáng kể hộ nghèo, tăng số hộ giàu, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được cải thiện rõ rệt.